TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2021
"V/v xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Bình

Ông Phạm Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về "xin ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mĩ D**, sinh năm 2003

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Hồ Thái B**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mĩ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Thái B tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2021. Quá trình chung sống vợ chồng

không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Chị và anh B cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Chị và anh B đã ly thân hơn 08 tháng nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh B để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh B có 01 người con chung là Hồ Bích N, sinh ngày 26/02/2021, hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì công việc và tình hình dịch bệnh Covid-19, chị không có điều kiện tham gia phiên tòa nên chị xin được vắng mặt.

* Bị đơn anh Hồ Thái B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh và chị D cũng dành cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Anh và chị D đã ly thân hơn 08 tháng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị D để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và chị D có 01 người con chung là Hồ Bích N, sinh ngày 26/02/2021, hiện chị D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, do chị D không yêu cầu nên anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định anh và chị D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì tình hình dịch bệnh Covid-19, anh không có điều kiện tham gia phiên tòa nên anh xin được vắng mặt.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mĩ D. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn chị D và bị đơn anh B đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị D và anh B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2021 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị D và anh B đều thống nhất xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh chị cũng dành cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Anh chị đã ly thân hơn 08 tháng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ, cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh B.

[4] Về con chung, chị D và anh B có 01 người con chung là Hồ Bích N, sinh ngày 26/02/2021, hiện chị D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao con chung cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị D có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc chị D được trực tiếp nuôi dưỡng

con là Hồ Bích N. Anh B có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị D vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị D và anh B đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị D phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mĩ D được ly hôn với anh Hồ Thái B.

2. Về con chung: chị D và anh B có 01 người con chung là Hồ Bích N, sinh ngày 26/02/2021, hiện chị D đang nuôi dưỡng. Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con là Hồ Bích N. Anh B có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị D vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị D và anh B đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005040 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh